

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HS-ST

Ngày 28-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Đề.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Như Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA ngày 29 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Vũ Hữu T, sinh năm: 1975; tại Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đông H, xã Tân H, thị xã Phú M, tỉnh BR-VT; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; cha: Vũ Hữu T (đã chết); mẹ: Trần Thị H, sinh năm: 1931; vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không

Bị cáo vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1970

Trú tại: Số 149 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long H, thành phố BR, tỉnh BRVT (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; trú tại: Thôn 3, xã Nam C, huyện Đức L, tỉnh BT(có mặt).

2. Bà Vũ Thị Lý, sinh năm 1960; trú tại: Thôn Đông H, xã Tân H, thị xã Phú M, tỉnh BR-VT (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01-10 - 2013, Vũ Hữu T có thuê 01 (một) xe ô tô hiệu ISUZU, loại Hilander. Xtreme.MT, màu đen, biển số 72N-6724, số khung 54F6VD42831, số máy M00590, sản xuất năm 2006, loại 07 chỗ của ông Nguyễn Trọng N (sinh năm 1970, trú tại: Khu phố Hương Đ, phường Long H, thành phố BR) thời hạn 04 ngày với giá 500.000 đồng/ngày để lái xe chở khách. Khi thuê xe, hai bên có viết giấy thuê xe, T để lại sổ hộ khẩu gia đình và bản sao chứng minh nhân dân cho ông N để làm tin. Ông N giao giấy tờ xe cho T. Sau đó, T liên hệ ông N thuê xe dài hạn theo tháng với giá 9.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 10 - 6 - 2014, do cần tiền tiêu xài nên T mang chiếc xe biển số 72N-6724 và giấy tờ xe đến xã Nam C, huyện Đức L, tỉnh BT cầm cố tại cửa hàng dịch vụ cầm đồ Hoàng C do ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: xã Nam c, huyện Đức L, tỉnh BT) làm chủ sở hữu với số tiền 172.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày 10 - 6 - 2014 đến 10 - 7 - 2014. Đến ngày 14 - 7 - 2014, T báo với ông N việc T cầm cố xe và hứa chuộc lại trả cho ông N nhưng không có tiền chuộc xe nên T bỏ trốn và không liên lạc với ông N. Hiện nay, T đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông A, thành phố HN khởi tố, tạm giam về hành vi đánh bạc.

Tại Thông báo kết luận định giá tài sản số 65/TB.HĐĐG ngày 16 - 01 - 2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Bà Rịa kết luận: 01 xe ô tô hiệu ISUZU, loại Hilander.Xtreme.MT, màu đen trị giá 269.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 88/CT-VKSBR ngày 19-11-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố bị cáo Vũ Hữu T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và phát biểu luận tội, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả do bị cáo gây ra, cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đề nghị, Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng Khoản 3 Điều 175; các điểm s Khoản 1 Điều 51,

Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hữu T từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 11-9-2020.

Tại phiên tòa bị cáo vắng mặt, tuy nhiên trong đơn xin vắng mặt bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội là sai trái, vi phạm pháp luật. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, Quyết định của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa bị cáo và bị hại vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét lời khai của bị cáo và bị hại không có sự mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa. Sự vắng mặt của bị cáo và bị hại không làm ảnh hưởng đến quá trình giải vụ án. Do đó, theo quy định tại Khoản 2 Điều 290; Khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị cáo và bị hại.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ căn cứ kết luận: Sau khi thuê 01 (một) xe ô tô hiệu ISUZU, màu đen, biển số 72N-6724, sản xuất năm 2006, loại 07 chỗ ngồi của ông Nguyễn Trọng N tại Khu phố Hương Đ, phường Long H, thành phố BR để chở khách thì đến ngày 10 - 6 - 2014, do cần tiền tiêu xài, T đem chiếc xe biển số 72N-6724 của ông N đi cầm cố cho ông Nguyễn Văn C để lấy số tiền 172.000.000 đồng rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Qua định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Bà Rịa xác định tại thời điểm T chiếm đoạt xe của ông N trị giá 269.500.000 đồng.

[3] Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không tự thú hay đầu thú mà đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị truy nã. Đến ngày 11-9-2020, bị cáo bị Công an huyện Đông Anh tạm giữ về hành vi đánh bạc. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 chưa có hiệu lực pháp luật. Do đó, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng” thì phạt tù từ 07 (bảy) năm đến 15 (mười lăm) năm. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực pháp luật, khung hình phạt theo khoản 3 của tội này là từ 05 (năm) năm đến 12 (mười hai) năm. Để áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 quy định rõ về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 “...các quy định có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử...” thì áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để giải quyết. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật và sẽ bị xử lý nghiêm, nhưng vì lòng tham, lợi dụng lòng tin của bị hại nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương nên cơ quan Cảnh sát điều tra phải ra quyết định truy nã, việc bỏ trốn của bị cáo gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử. Để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội.

Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu; tài sản chiếm đoạt đã trả lại, bị hại không yêu cầu gì thêm; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho ông Nguyễn Văn C. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo đồng ý trả số tiền còn lại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe ô tô hiệu ISUZU, màu đen, biển số 72N-6724, sản xuất năm 2006, loại 07 chỗ ngồi của ông Nguyễn Trọng N. Ngày 24-11-

2014 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bà Rịa trả lại cho ông N là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản ông N không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại cơ quan điều tra bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại. Theo đó bị cáo đồng ý trả lại số tiền 172.000.000đ, bị cáo đã tác động gia đình là bà Vũ Thị Lý - chị gái bị cáo bồi thường được cho ông Nguyễn Văn C số tiền 20.000.000đ. Tại phiên tòa người nhà của bị cáo là bà Vũ Thị Lý bồi thường tiếp cho ông Chính thêm 5.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền mà gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông Chính là 25.000.000đ. Số tiền còn lại 147.000.000đ bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho ông Chính nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Còn số tiền bà Lý bồi thường thay cho bị cáo thì giữa bà Lý và bị cáo tự giải quyết với nhau, bà Lý không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về những vấn đề khác: Trong quá trình bị truy nã, bị cáo đã thực hiện hành vi “Đánh bạc” bị Công an huyện Đông Anh bắt tạm giữ từ ngày 11-9-2020 và đã bị Tòa án nhân dân huyện Đông A, thành phố HN xét xử tuyên bị cáo 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11-9-2020, theo Bản án số 219/2020/HS-ST ngày 29-12-2020. Do bản án của Tòa án nhân dân huyện Đông A, thành phố HN chưa có hiệu lực pháp luật nên lần xử phạt này Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt của các bản án.

[8] Về án phí sơ thẩm:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường trước khi mở phiên tòa, theo quy định của pháp luật bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 2 Điều 290; Khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Khoản 3 Điều 175, điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Hữu T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Hữu T 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 11 tháng 9 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Vũ Hữu T và ông Nguyễn Văn C như sau: Bị cáo Vũ Hữu T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền còn lại là 147.000.000 (một trăm bốn mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Vũ Hữu T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28-01-2021) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PC 06 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Công an thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Đê – Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Nguyễn Thị Nga

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- PC 06 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Công an thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Nga

